TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2020/DS-ST
Ngày: 28 - 9 - 2020
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN DÂN NHÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Văn Côn.

2/ Bà Trần Thị Bé Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2020/TLST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2020 vụ án "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-DS, ngày 24/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2020/QĐST-DS, ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T- Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Ngọc T- Chức vụ: Phó Giám đốc (Có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1953; địa chỉ: ấp 03, thị trấn N, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Thân Đình Quốc K, sinh năm 1986; địa chỉ: Phường B, thị xã L, tỉnh H (Vắng mặt).

2. Chị Thân Thụy Trác Huyền T, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

3. Anh Thân Đình Quốc T, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

4. Anh Thân Đình Quốc K, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

5. Anh Thân Tâm Hoàng P, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

6. Chị Thân Thị Thủy T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 03, thị trấn N, huyện V, tỉnh H.

(Anh Thân Đình Quốc T và anh Thân Tâm Hoàng P ủy quyền cho bà Trần Thị T, theo văn bản ủy quyền ngày 07/8/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/01/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng C (“viết là: Ngân hàng”, do bà Trần Ngọc Tđại diện) trình bày: Vào năm 2009 và năm 2017, Ngân hàng cho hộ bà Trần Thị T vay vốn hai lần, cụ thể như sau:

- Ngày 01/10/2009, Ngân hàng và bà Trần Thị T có ký hợp đồng vay vốn với số tiền là 25.800.000 đồng thông qua chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, nhằm mục đích chi trả chi phí học tập; hình thức cho vay là tín chấp; lãi suất cho vay là 0,5%/tháng; lãi suất nợ quá hạn 0,65%/tháng; lãi suất thực trả sau khi được hỗ trợ từ tháng 10/2009 đến 01/10/2011 là 0,17%/tháng; thời hạn cho vay 84 tháng; kỳ hạn trả nợ là 06 tháng/lần, mỗi lần trả 4.300.000 đồng/lần; hạn trả nợ cuối cùng là 01/10/2016; lãi vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 26; đến ngày 10/9/2010 được điều chỉnh lại thời hạn trả nợ cuối cùng (gia hạn trả nợ) là ngày 18/8/2017; đến ngày 16/9/2017 được gia hạn trả nợ đến ngày 18/02/2018; theo yêu cầu của người vay, Ngân hàng điều chỉnh gia hạn hạn trả nợ đến ngày 18/02/2018 và điều chỉnh nâng hạn mức cho vay từ 25.800.000 đồng thành 27.200.000 đồng, những thỏa thuận khác của hợp đồng không thay đổi. Tổng cộng, Ngân hàng đã giải ngân 06 lần, trong đó 04 lần đầu mỗi lần 4.300.000đ và 02 lần sau mỗi lần 5.000.000đ, tổng cộng là 27.200.000 đồng. Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 29/9/2009 của người vay là bà Trần Thị T và

người thừa kế là anh Thân Đình Quốc T đã cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc lãi và lãi đầy đủ, đúng hạn. Do đó, phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả nợ gốc là 27.200.000 đồng; tổng tiền lãi từ ngày 01/10/2009 đến ngày đến ngày xét xử là 18.506.899 đồng, trừ số tiền lãi phía bị đơn đã trả được 10.434.555 đồng; còn lại bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục phải trả số tiền là: 8.072.344 đồng.

- Ngày 19/5/2017, Ngân hàng cho bà Trần Thị T vay số tiền là 50.000.000đ, thông qua chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo, với mục đích vay để trồng cam; hình thức cho vay là tín chấp; lãi suất cho vay là 0,6875%/tháng; lãi suất nợ quá hạn 0,89375%/tháng; thời hạn cho vay 60 tháng; kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần; số tiền trả nợ mỗi kỳ là 10.000.000 đồng/lần; hạn trả nợ cuối cùng là 16/5/2022; lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 16. Mã món vay 6600000710336929. Khi vay tiền của Ngân hàng, sổ vay vốn đều do bà T và người thừa kế là anh Thân Đình Quốc T ký sổ, có giấy ủy quyền ngày 17/5/2017 của chị Thân Thị Thủy T và anh Thân Tâm Hoàng P ủy quyền cho bà T thực hiện đứng tên người vay, thực hiện giao dịch với Ngân hàng và các thành viên trong hộ cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 19/5/2018, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T, anh T, anh P và chị T trả nợ gốc là 50.000.000 đồng; tổng lãi từ ngày 19/5/2017 đến ngày xét xử với số tiền là 13.911.190 đồng; do phía bị đơn đã trả được 4.474.555đ tiền lãi, nên Ngân hàng yêu cầu các bị đơn và người liên quan trả vốn 50.000.000đ và phần nợ lãi còn lại là 9.436.635đ. Tổng cộng, Ngân hàng yêu cầu bà T, anh T, anh P, chị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc đối với các khoản vay trên là 77.200.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại văn bản ngày 27/7/2020, bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Trước đây hộ gia đình của bà (bà T là chủ hộ) thuộc diện hộ nghèo nên được vay của Ngân hàng nhiều lần, bà T không nhớ số lần và thời gian vay cụ thể. Trong đó có vay nước sạch, vay hộ nghèo, vay nâng nền nhà tổng cộng là 50.000.000 đồng, vay sinh viên 27.200.000 đồng, bà T không nhớ nợ lãi bao nhiêu, khoảng 01 năm nay bà T không có khả năng đóng lãi cho Ngân hàng. Hộ gia đình bà T hiện tại bao gồm bà (Trần Thị T), các con là Thân Đình Quốc T, Thân Tâm Hoàng P, Thân Thị Thủy T còn trong hộ khẩu gia đình; đối với các con bà T gồm: Thân Đình Quốc K, Thân Đình Quốc K đã tách khẩu. Hiện tại gia đình bà còn nợ Ngân hàng khoảng 77.200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 01 năm nay chưa đóng.

Bà T thống nhất trả nợ vay cho Ngân hàng nhưng đề nghị được trả dần và trả nợ khoản vay sinh viên trước.

Quá trình thu thập chứng cứ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thân Đình Quốc K, chị Thân Thụy Trác Huyền T, chị Thân Thị Thủy T, anh Thân Đình Quốc K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thân Đình Quốc T và anh Thân Tâm Hoàng P ủy quyền cho bà Trần Thị T theo văn bản ủy quyền ngày 07/8/2020.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; án phí buộc bị đơn, người liên quan phải nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản chính đơn khởi kiện và bản tự khai; bản sao: Sổ vay vốn, giấy uỷ quyền, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, giấy xác nhận, Quyết định về uỷ quyền tham gia tố tụng và thi hành án; thông báo thụ lý vụ án; quyết định phân công Thẩm phán; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản giao nhận văn bản tố tụng; biên bản vắng mặt; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử, biên bản phiên tòa, biên bản thảo luận; quyết định hoãn phiên tòa.

Vấn đề các đương sự thỏa thuận được: Thống nhất về thời gian vay, số tiền vay và các lần vay.

Vấn đề các đương sự không thỏa thuận được: Bị đơn đề nghị được trả dần và trả khoản vay sinh viên trước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thân Đình Quốc K, chị Thân Thụy Trác Huyền T, chị Thân Thị Thủy T, anh Thân Đình Quốc K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến

lần thứ 02 nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[**2**] Về thẩm quyền: Vào các năm 2009 và 2017, giữa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thỏa thuận, ký kết hai hợp đồng vay tài sản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đã phát sinh tranh chấp, nên nguyên đơn khởi kiện. Do bị đơn cư trú tại ấp 03, thị trấn N, huyện V, tỉnh H. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý theo quan hệ "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[**3**] Áp dụng pháp luật về nội dung: Giao dịch giữa các bên được xác lập vào ngày 01/10/2009 và ngày 19/5/2017, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2004) và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, để giải quyết tranh chấp.

[**4**] Đối với khoản cho học sinh, sinh viên vay ngày 01/10/2009:

[4.1] Ngân hàng (do bà Trần Ngọc Tđại diện) khởi kiện bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thân Đình Quốc T, anh Thân Tâm Hoàng P, chị Thân Thị Thủy T, yêu cầu bà T, anh T, anh P và chị T phải trả nợ vốn cho Ngân hàng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng vay vốn ngày 01/10/2009; đơn khởi kiện đề cập đến nhiều người liên quan, tuy nhiên khoản vay này (vay sinh viên) do bà Trần Thị T và anh Thân Đình Quốc T vay nên bà T với anh T là bị đơn và người liên quan có trách nhiệm đối với khoản vay này. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản sao: Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ; giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử sụng vốn vay ngày 29/9/2009 có nội dung người vay bà Trần Thị T và người thừa kế anh Thân Đình Quốc T cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn; phiếu chi ngày 01/10/2009, ngày 26/4/2010, ngày 05/11/2010, ngày 28/3/2011, ngày 07/10/2011, ngày 18/3/2012 với số tiền tổng cộng là 27.200.000 đồng, việc nhận tiền đều do bà T trực tiếp ký tên bên dưới chữ "Người nhận tiền". Sau nhiều lần được gia hạn. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 18/02/2018, nhưng bên vay (bà T và anh T) vẫn không thanh toán nợ gốc và lãi cho đến nay. Do đó, khoản nợ trên đã chuyển quá hạn kể từ ngày 19/02/2018. Như vậy, giao dịch trên là có thật; bên vay, bà T và anh T là người vi phạm hợp đồng.

[4.2] Về phía bị đơn bà T thừa nhận, hộ gia đình bà T thuộc diện có khó khăn nên được vay của Ngân hàng khoản vay sinh viên là 27.200.000 đồng, bà T không nhớ nợ lãi bao nhiêu nhưng khoảng 01 năm bà T không đóng lãi. Hiện tại gia đình bà T còn nợ Ngân hàng khoảng 77.200.000 đồng (bao gồm gốc và lãi). Bà T thống nhất trả nợ vay cho Ngân hàng nhưng đề nghị được trả dần và trả khoản nợ vay sinh viên trước. Đây là sự thừa nhận của bị đơn nên nguyên đơn không phải chứng minh.

[4.3] Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thân Đình Quốc K, chị Thân Thụy Trác Huyền T, chị Thân Thị Thủy T, anh Thân Đình Quốc K là thành viên trong hộ bà T, quá trình thu thập chứng cứ đến phiên tòa hôm nay là một thời gian dài, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: *"4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã được thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".* Như vậy, phía anh Thân Đình Quốc K, chị Thân Thụy Trác Huyền T, chị Thân Thị Thủy T, anh Thân Đình Quốc K không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án để chứng minh cho sự phản đối đó là có căn cứ và hợp pháp, nên các đương sự này phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản vay sinh viên là có căn cứ.

[4.4] Trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay có nội dung người vay bà Trần Thị T và người thừa kế anh Thân Đình Quốc T cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Theo quy định tại Điều 107 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì: *"1. Chủ hộ là đại diện của hộ gia đình trong các giao dịch dân sự vì lợi ích chung của hộ. Cha, mẹ hoặc một thành viên khác đã thành niên có thể là chủ hộ. Chủ hộ có thể ủy quyền cho thành viên khác đã thành niên làm đại diện của hộ trong quan hệ dân sự. 2. Giao dịch dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả hộ gia đình*"; Điều 110 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *"1. Hộ gia đình phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện nhân danh hộ gia đình. 2. Hộ gia đình chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản chung của hộ; nếu tài sản chung không đủ để thực hiện nghĩa vụ chung của hộ thì các thành viên phải chịu trách nhiệm liên đới bằng tài sản riêng của mình".* Theo công văn số 129 ngày 28/8/2020 của Công

an huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xác nhận thành viên trong hộ bà T gồm: Trần Thị T, Thân Thị Trác Huyền Thi, Thân Đình Quốc T, Thân Đình Quốc K, Thân Đình Quốc K, Thân Tâm Hoàng P, Thân Thị Thủy T. Do đó, khoản vay sinh viên do bà Trần Thị T và anh Thân Đình Quốc T là người trực tiếp vay, nên bà T và anh T có trách niệm trả nợ cho Ngân hàng.

[4.5] Về lãi suất, trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa phía nguyên đơn yêu cầu bà T, anh T trả lãi suất và lãi suất quá hạn phát sinh từ ngày 19/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ: Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử sụng vốn vay ngày 29/9/2009, thì khoản vay sinh viên đã quá hạn kể từ ngày 19/02/2018. Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng, tính đến ngày 28/9/2020 bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn tổng cộng: 18.506.899đ; tuy nhiên, bên bà T đã đóng lãi được số tiền là 10.434.555đ, nên số tiền lãi bà T đã đóng được trừ vào tổng số tiền lãi phải trả cho Ngân hàng. Do đó, tổng số tiền lãi phải trả là: 18.506.899đ - 10.434.555đ (số tiền lãi đã trả) = 8.072.344đ. Như vậy, bà T và anh T phải trả nợ vốn là 27.200.000đ và 8.072.344đ tiền lãi, tổng cộng vốn lãi bà T và anh T1 phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 28/9/2020 là: 35.272.344đ.

[**5**] Đối với khoản vay ngày 19/5/2017, mục đích: "Trồng cam".

[5.1] Ngân hàng (do bà Trần Ngọc Tđại diện) yêu cầu bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thân Đình Quốc T, anh Thân Tâm Hoàng P, chị Thân Thị Thủy T phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền vốn là 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng (Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay) ngày 19/5/2017. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản sao: Sổ vay vốn có nội dung người vay bà Trần Thị T và người thừa kế anh Thân Đình Quốc T, cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 19/5/2017, bên dưới chữ "Người vay" là chữ ký và ghi rõ họ tên của bà Trần Thị T; Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ ngày 19/5/2017; Phiếu giải ngân ngày 19/5/2017 với số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích "Trồng cam" do bà T trực tiếp ký nhận tiền; theo thỏa thuận, định kỳ trả nợ gốc 12 tháng/lần, số tiền gốc trả mỗi kỳ 10.000.000đ; trước đó, Giấy ủy quyền ngày 17/5/2017, thể hiện nội dung: chị Thân Thị Thủy T, anh Thân Tâm Hoàng P ủy quyền cho bà T đứng tên người vay, thực hiện các giao dịch với Ngân hàng và các thành viên trong hộ cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội. Mặc dù khoản

vay này chưa đến hạn trả nợ, nhưng do hộ bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo định kỳ, nên coi như hợp đồng đã đến hạn. Về phía bị đơn, bà T thừa nhận gia đình của bà thuộc diện hộ mới thoát nghèo nên được vay của Ngân hàng với số tiền là 50.000.000 đồng, bà không nhớ nợ lãi bao nhiêu nhưng khoảng 01 năm nay bà T không đóng lãi. Bà thống nhất trả nợ vay cho Ngân hàng, nhưng đề nghị được trả dần và trả khoản nợ vay sinh viên trước. Đây là sự thừa nhận của bị đơn, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên nguyên đơn không phải chứng minh.

[5.2] Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thân Đình Quốc K, chị Thân Thụy Trác Huyền T, chị Thân Thị Thủy T, anh Thân Đình Quốc K là thành viên trong hộ gia đình bà T, quá trình thu thập chứng cứ đến phiên tòa hôm nay là một thời gian dài, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh Khải, chị Huyền Thi, chị Thủy Tiên và anh Kiệt không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án để chứng minh cho sự phản đối đó là có căn cứ và hợp pháp, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5.3] Theo Sổ vay vốn thể hiện nội dung: Người vay bà Trần Thị T và người thừa kế anh Thân Đình Quốc T, cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn và Giấy ủy quyền ngày 17/5/2017 có nội dung chị T và anh P ủy quyền cho bà T thực hiện đứng tên người vay, thực hiện giao dịch với Ngân hàng và cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng. Theo quy định tại Điều 103 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì: *"1. Nghĩa vụ dân sự phát sinh từ việc tham gia quan hệ dân sự của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân được bảo đảm thực hiện bằng tài sản chung của các thành viên. 2. Trường hợp các thành viên không có hoặc không đủ tài sản chung để thực hiện nghĩa vụ chung thì người có quyền có thể yêu cầu các thành viên thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật này. 3. Trường hợp các bên không có thỏa thuận, hợp đồng hợp tác hoặc luật không có quy định khác thì các thành viên chịu trách nhiệm dân sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo phần tương ứng với phần đóng góp tài sản của mình, nếu không xác định được theo phần tương ứng thì xác định theo phần bằng nhau".* Do đó, đại diện hộ gia đình bà Trần Thị T, anh Thân Đình Quốc T, chị Thân Thị Thủy T, anh Thân Tâm Hoàng P là người phải có nghĩa vụ đối với khoản vay Ngân hàng; bởi lẽ, giao dịch vì mục đích chung

của hộ gia đình là "Trồng cam", nên họ phải chịu trách niệm trả nợ cho Ngân hàng bằng tài sản chung của các thành viên.

[5.4] Về lãi suất, trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa phía nguyên đơn yêu cầu bà T, anh T, anh P, chị T trả lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2020). Căn cứ Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ và giấy đề nghị vay vốn, kiêm phương án sử sụng vốn vay ngày 01/9/2017, mặc dù khoản vay chưa đến hạn, nhưng bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo phân kỳ trả nợ gốc 10.000.000đ/12 tháng/lần. Nên lãi suất trong hạn từ ngày 19/5/2017 đến ngày 28/9/2020 là: 50.000.000đ x 8,250%/năm = 13.911.190 đồng. Do hộ bà T đã thanh toán tiền lãi được 4.474.555 đồng được trừ lại, nên số tiền lãi tổng cộng là 13.911.190đ - 4.474.555đ = 9.436.635đ, số tiền lãi này được tiếp tục cộng với số nợ vốn chưa trả là 50.000.000đ. Do đó, nợ vốn chưa thanh toán là: 50.000.000đ + 9.436.635đ = 59.436.635đ, đây là số số tiền vốn lãi mà bà T, anh T, anh P, chị T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[**6**] Về án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hộ gia đình bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; tuy nhiên, vào ngày 29/7/2020, bà Trần Thị T có đơn xin miễn giảm án phí, do bà T sinh năm 1953, hiện đã trên 60 tuổi, căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, nên bà T được miễn án phí; các đương sự khác vẫn phải chịu án phí theo quy định, cụ thể: (59.436.635đ x 5%): 4 = 742.957đ; đối với khoản vay sinh viên thì anh T phải chịu án phí: (35.272.344đ x 5%): 2 = 881.808đ; nguyên đơn thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí và án phí nên không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 95, 96, 97, 150, khoản 2 và 3 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 2 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Áp dụng: Các Điều 110, 141, 142, 143, 144, 471, 473, 474, 475, 476 của Bộ Luật dân sự năm 2005; Các Điều 101, 102, 103, 104, 138, 139, 139, 141,

463, 465, 466, 470 của Bộ Luật dân sự năm 2015; các Điều 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55 và 56 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2004); các Điều 4, 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tuyên xử:

1. *Về yêu cầu khởi kiện*:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C (do bà Trần Ngọc Tđại diện) đối với bà Trần Thị T và anh Thân Đình Quốc T, về yêu cầu trả khoản nợ cho học sinh, sinh viên vay.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C (do bà Trần Ngọc Tđại diện) đối với bà Trần Thị T, anh Thân Đình Quốc T, anh Thân Tâm Hoàng P và chị Thân Thị Thủy T về khoản vay trồng cam.

2. Buộc bà Trần Thị T và anh Thân Đình Quốc T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng C số tiền vốn lãi tổng cộng là: 35.272.344đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm bốn mươi bốn đồng; trong đó nợ vốn là là 27.200.000đ, và lãi là: 8.072.344đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 29/9/2009 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Buộc bà Trần Thị T, anh Thân Đình Quốc T, chị Thân Thị Thủy T, anh Thân Tâm Hoàng P có trách niệm trả nợ cho Ngân hàng C số tiền vốn lãi tổng cộng là 59.436.635 đồng (Trong đó vốn là 50.000.000 đồng, lãi là 9.436.635 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 17/5/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Trần Thị T được miễn án phí.

4.2. Ngân hàng C không phải nộp tạm ứng án phí, nên không xử lý.

4.3. Buộc anh Thân Đình Quốc T, chị Thân Thị Thủy T, anh Thân Tâm Hoàng P mỗi người phải nộp số tiền là: 742.957đ (Bảy trăm bốn mươi hai ngàn chín trăm năm mươi bảy đồng).

4.4. Buộc anh Thân Đình Quốc T phải nộp số tiền là: 881.808đ (Tám trăm tám mươi mốt ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA DS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Cổng TTĐT (để công bố);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng